TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Mỹ Hường

2. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Sơn G, sinh năm 1980

Cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Phan Trung K, sinh năm 1979

Cư trú: Khu X, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Nơi ở hiện nay: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Sơn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông K tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93/2018, ngày 30/8/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2012 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do ông K đi làm xa và có người phụ nữ khác, bà phải một mình nuôi dạy con, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Thời gian gần đây, ông K quay về nhà buộc bà phải hàn gắn tình cảm và dùng dao uy hiếp tinh thần để bà chấp nhận, vì sợ nên bà cùng con trai phải thuê nhà trọ G ở khóm T, phường M, thành phố L sinh sống, nhưng ông K tiếp tục tìm đến nơi để chửi mắng và buộc bà phải quay về nhà nhưng bà không đồng ý, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng không thể hàn gắn và kéo dài nên bà G yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phan Lê Trung K1, sinh ngày 21/10/2011. Sau khi ly hôn, bà G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Trung K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà G tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/8/2018 như bà G trình bày. Thời gian chung sống, giữa ông với bà G cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nhưng nguyên nhân là do bà G không tôn trọng ý kiến chồng, tự quyết định tất cả các vấn đề trong gia đình mà không thông qua ông, hơn nữa bà G còn có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên ông ghen và dẫn đến hai bên cãi vã, xô xát. Mặc dù, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông không đồng ý ly hôn vì mong muốn hàn gắn gia đình.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phan Lê Trung K1, sinh ngày 21/10/2011. Quá trình giải quyết, ông K trình bày trường hợp phải ly hôn thì ông đồng ý giao cháu K1 cho bà G trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà G không yêu cầu. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông K thay đổi ý kiến, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu bà G phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 169,2 m^2; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp ngày 15/8/2018 cho bà Lê Thị Sơn G đứng tên. Ngoài ra, còn các tài sản như máy giặt, tủ lạnh,…nhưng đối với các tài sản này thì vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; chỉ yêu cầu giải quyết đối với căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên. Ngoài yêu cầu chia căn nhà và đất thì ông không còn yêu cầu nào khác. Tại phiên làm việc ngày 17/5/2022, ông cam kết sẽ gửi đơn để yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng vào ngày 27/5/2022, nhưng do chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ nên đến nay ông vẫn chưa cung cấp cho Tòa án đơn yêu cầu.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông K xác định về tài sản chung và nợ chung vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp nếu vợ chồng không thể thỏa thuận được thì ông sẽ khởi kiện trong vụ án khác theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Sơn G; về con chung, giao con chung Phan Lê Trung K1 cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng, bà G là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên không xét đến; về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Sơn G khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Phan Trung K. Ông K cư trú tại khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà G và ông K tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giang ngày 30/8/2018 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết, bà G xác định không còn tình cảm với ông K, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên bà kiên quyết yêu cầu ly hôn. Ông K thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân do bà G chứ không phải lỗi của ông nên ông không đồng ý ly hôn vì mong muốn hàn gắn gia đình.

Xét thấy, bà G và ông ông K đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành vì không thể tìm được tiếng nói chung và không còn tôn trọng nhau, một số lần cãi vã ông K thừa nhận dùng dao đe dọa bà G nhưng cho rằng trong người có rượu nên không làm chủ bản thân, vì không thể chấp nhận được hành vi của ông K nên bà G thuê nhà trọ sống cùng con. Tại phiên tòa, mặc dù được động viên hàn gắn nhưng bà G vẫn kiên quyết ly hôn với ông K, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì sẽ không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phan Lê Trung K1, sinh ngày 21/10/2011. Xét thấy, thời gian ông K đi làm xa thì bà G vẫn chăm sóc con tốt và hiện cháu K1 do bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời cháu K1 cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và đảm bảo cho cháu phát triển tốt về mọi mặt khi bà G và ông K ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K1 của bà G.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà G là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà G cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng ông K trình bày sẽ nộp đơn yêu cầu giải quyết, tuy nhiên hết thời gian quy định nhưng ông K không thực hiện, tại phiên tòa ông K xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện trong vụ án khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ án khác theo quy định.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Sơn G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Sơn G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Sơn G được ly hôn ông Phan Trung K.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phan Lê Trung K1, sinh ngày 21/10/2011.

Bà G được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà G không yêu cầu.

Bà G cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị Sơn G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001226, ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà G đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKSND TPL;
- THADS TPL;
- UBND xã V,
huyện T; An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Hà Thị Chiền